

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CAMIMEX

Digitally signed by CÔNG TY CỔ
PHẦN CAMIMEX
DN: C=VN, L=CÀ MAU, CN=CÔNG
TY CỔ PHẦN CAMIMEX,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=M
ST:2001122903,
E=CAMIMEX@CAMIMEX.COM.VN
Reason: I am the author of this
document
Location: your signing location here
Date: 2026.03.31 15:02:02+07'00'
Foxit PDF Editor Version: 11.2.0

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 43
8. Phụ lục	44 - 48



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 16 ngày 07 tháng 5 năm 2025 do Sở Tài chính tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 13 tháng 6 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021
Bà Trương Hà My	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025
Bà Trần Thị My	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Ngọc Sơn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025
Ông Bùi Đức Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2019
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2024

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đặng Ngọc Sơn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 19 tháng 9 năm 2025).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ Kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2026



A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Hà Nội Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Sơn Hòa Ward, Hà Nội City, Vietnam
Hanoi Branch : 40 Giang Võ St., Giang Võ Ward, Hà Nội City, Vietnam
Central Region Branch : Lot 13/1, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam
Southwest Branch : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Hùng Phú Ward, Cần Thơ City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.n1@a-c.com.vn
Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



www.a-c.com.vn

Số: 4.0187/26/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 48 bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Camimex tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Ngữ

Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3089-2025-008-1

Người được ủy quyền

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Nguyễn Thùy Trang

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3592-2026-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.957.278.291.939	2.373.877.928.904
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.883.997.054	133.412.919.111
1. Tiền	111	V.1	23.883.997.054	133.412.919.111
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		188.691.503.564	99.090.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	188.691.503.564	99.090.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		606.876.955.032	687.065.235.672
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	142.806.144.129	501.707.656.317
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	356.059.041.989	146.304.210.144
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	108.011.768.914	39.188.449.211
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	-	(135.080.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	2.082.456.426.021	1.415.962.326.324
1. Hàng tồn kho	141		2.221.437.606.567	1.496.997.831.490
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(138.981.180.546)	(81.035.505.166)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		55.369.410.268	38.347.447.797
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1.607.123.747	1.470.803.591
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		50.977.947.090	34.092.304.775
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.784.339.431	2.784.339.431
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		938.584.843.265	917.192.704.562
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.030.000.000	1.030.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1.030.000.000	1.030.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		594.343.579.526	458.637.693.477
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	424.013.950.022	301.442.030.874
- Nguyên giá	222		811.257.579.109	628.335.061.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(387.243.629.087)	(326.893.030.352)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	132.060.638.280	118.451.074.089
- Nguyên giá	225		218.249.735.786	139.712.955.716
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(86.189.097.506)	(21.261.881.627)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	38.268.991.224	38.744.588.514
- Nguyên giá	228		67.388.648.718	64.688.899.986
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.119.657.494)	(25.944.311.472)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		172.688.858.240	343.454.325.999
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	172.688.858.240	343.454.325.999
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		115.000.000.000	98.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	40.000.000.000	40.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	75.000.000.000	50.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	-	8.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		55.522.405.499	16.070.685.086
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	55.522.405.499	16.070.685.086
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.895.863.135.204	3.291.070.633.466



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		2.735.505.632.088	2.207.624.269.641
I. Nợ ngắn hạn	310		2.055.590.481.820	1.603.276.880.116
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	338.195.472.919	170.837.220.320
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7.212.467.822	3.095.567.559
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18.404.879.919	16.184.340.478
4. Phải trả người lao động	314	V.17	26.094.553.934	22.574.555.577
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	20.484.247.186	42.158.628.935
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	18.817.697.035	31.295.007.227
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1.625.501.163.005	1.316.251.560.020
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	880.000.000	880.000.000
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		679.915.150.268	604.347.389.525
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	679.915.150.268	604.347.389.525
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.160.357.503.116	1.083.446.363.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.160.357.503.116	1.083.446.363.825
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		978.999.980.000	978.999.980.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22	(228.222.222)	(228.222.222)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	181.585.745.338	104.674.606.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		104.674.606.047	104.674.606.047
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		76.911.139.291	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.895.863.135.204	3.291.070.633.466

Trần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.510.733.080.820	2.550.409.912.987
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	25.137.738.147	287.511.725
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.485.595.342.673	2.550.122.401.262
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	2.027.928.615.979	2.200.854.594.040
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		457.666.726.694	349.267.807.222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	37.363.330.115	19.400.143.354
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	202.209.421.860	142.423.723.394
Trong đó: chi phí lãi vay	23		149.409.025.414	97.146.953.185
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	130.341.204.580	111.066.677.418
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	69.583.261.153	64.209.593.904
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.896.169.216	50.967.955.860
11. Thu nhập khác	31	VI.8	5.997.235.254	30.107.687.797
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.728.166.290	7.373.777.288
13. Lợi nhuận khác	40		3.269.068.964	22.733.910.509
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		96.165.238.180	73.701.866.369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	19.254.098.889	19.679.339.941
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		76.911.139.291	54.022.526.428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10		
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10		

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026

Trần Quốc Phong
Người lậpNguyễn Thị Lam
Kế toán trưởngĐặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		96.165.238.180	73.701.866.369
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10,	128.771.660.637	74.488.293.774
- Các khoản dự phòng	03	V.7	57.945.675.380	20.086.966.411
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	5.222.403.367	15.151.010.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	(13.037.323.781)	(22.823.498.024)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	149.409.025.414	97.146.953.185
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		424.476.679.197	257.751.592.073
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(70.126.248.637)	(100.823.141.623)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(724.439.775.077)	(174.242.401.294)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		147.535.261.713	(31.629.407.199)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(39.588.040.569)	2.886.378.608
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(109.885.516.738)	(56.140.847.556)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	-	(2.432.340.350)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	2.965.644.965
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(372.027.640.111)	(101.664.522.376)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10, V.11, V.12, V.14, V.20b	(14.394.056.933)	(79.001.751.548)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	9.250.000.000	28.496.930.150
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(358.921.503.564)	(108.090.767.123)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		277.320.000.000	15.920.767.123
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2.690.621.432)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a, VI.4	9.162.115.277	510.340.917
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(80.274.066.652)	(142.164.480.481)



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	33.771.777.778
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20a,b	5.221.975.892.641	4.462.612.292.036
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20a,b	(4.843.915.488.400)	(4.069.550.802.334)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.20a,b	(34.706.436.557)	(64.353.296.347)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		343.353.967.684	362.479.971.133
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(108.947.739.079)	118.650.968.276
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	133.412.919.111	10.549.384.064
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(581.182.978)	4.212.566.771
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	23.883.997.054	133.412.919.111

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng


Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến thủy sản các loại; xuất nhập khẩu thủy sản các loại; kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty có xuất bán hàng hóa, thành phẩm và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan (xem thuyết minh số VI.1b) với tổng doanh thu và giá vốn theo sổ sách lần lượt là 198.151.779.639 VND và 162.249.191.208 VND, làm phát sinh khoản lãi 35.902.588.431 VND.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Công ty chỉ đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, tỉnh Cà Mau, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 79,21%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 1.457 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.363 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



0049
CÔNG
KIỂM TO
A
CH
TÂY
NG PH

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngày 27 tháng 10 năm 2025 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và các Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200. Các quy định của Thông tư 99 được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 44
Máy móc và thiết bị	03 – 54
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 – 14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	05

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của chương trình phần mềm máy tính là toàn bộ



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa chương trình phần mềm vào sử dụng. chương trình phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cầu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trường hợp sản phẩm, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	211.896.916	50.567.974
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.672.100.138	133.362.351.137
Cộng	23.883.997.054	133.412.919.111

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	188.691.503.564	188.691.503.564	99.090.000.000	99.090.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 06 tháng - 13 tháng đến hạn thu hồi dưới 12 tháng (*)	188.691.503.564	188.691.503.564	99.090.000.000	99.090.000.000
Dài hạn	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 18 tháng	-	-	8.000.000.000	8.000.000.000
Cộng	188.691.503.564	188.691.503.564	107.090.000.000	107.090.000.000

Toàn bộ khoản tiền gửi cuối năm đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Công ty TNHH Camimex Organic ⁽ⁱ⁾	40.000.000.000	-	40.000.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị	75.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods ⁽ⁱⁱ⁾	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Camimex Farm ⁽ⁱⁱⁱ⁾	25.000.000.000	-	-	-
Cộng	115.000.000.000	-	90.000.000.000	-

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp 20001014506 đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 4 năm 2011 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03 tháng 12 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau (nay là Sở Tài chính tỉnh Cà Mau) cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Camimex Organic 40.000.000.000 VND, tương đương 79,21% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ vào Công ty này.

(ii) Công ty đã mua 5.000.000 cổ phần tương đương 16,67% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Foods với giá mua là 50.000.000.000 VND.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iii) Trong năm, Công ty đã mua 2.500.000 cổ phần tương đương 7,35% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Camimex Farm với giá mua là 25.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giao dịch với công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Camimex Organic là công ty con trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng hóa	295.493.514.158	135.770.452.708
Phí dịch vụ của dự án Tôm sinh thái	1.510.164.844	30.829.471.200
Vay tiền không lãi suất	302.913.000.000	73.479.000.000
Trả tiền vay	302.913.000.000	73.479.000.000

Toàn bộ khoản vốn góp Công ty TNHH Camimex Organic đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V (xem thuyết minh số V.20b).

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>7.756.276.036</i>	<i>182.871.972.633</i>
Công ty Cổ phần Camimex Foods	-	182.651.162.265
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	7.666.276.036	-
Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Thái Minh Hưng	-	10.810.368
Ông Nguyễn Trọng Hà	90.000.000	210.000.000
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>135.049.868.093</i>	<i>318.835.683.684</i>
Metro Richelieu Inc.	23.131.267.761	30.819.896.952
Coop Cooperative (tên cũ Coop, Basel)	17.523.266.791	25.868.943.230
I.Schroeder KG. (GmbH & Co)	20.183.598.000	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	-	100.366.008.512
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh	-	72.533.079.847
Các khách hàng khác	74.211.735.541	89.247.755.143
Cộng	<u>142.806.144.129</u>	<u>501.707.656.317</u>

Toàn bộ công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng tại mọi thời điểm đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>13.246.534.603</i>	<i>28.723.869.605</i>
Ông Bùi Đức Cường	-	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Camimex Farm	1.450.719.622	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	11.795.814.981	7.208.909.824
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	-	19.014.959.781
Trả trước cho các người bán khác	342.812.507.386	117.580.340.539
Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang	-	52.744.755.962
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Hồng Phát CM	-	20.809.378.568
Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn ⁽ⁱ⁾	291.579.400.151	-
Các nhà cung cấp khác	51.233.107.235	44.026.206.009
Cộng	356.059.041.989	146.304.210.144

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trong đó:</i>		
Trả trước cho người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	3.997.280.295	53.960.809.962

- ⁽ⁱ⁾ Khoản trả trước để mua bán hàng thủy sản đông lạnh giữa Công ty và Công ty TNHH MTV Thủy sản Xuân Nguyễn theo hợp đồng số 0611/HĐMB-XN-CORP ngày 06 tháng 11 năm 2025.

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Phải thu các bên liên quan	2.984.352.120	-	1.783.161.769	-
Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền kinh phí công đoàn	-	-	1.783.161.769	-
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải thu ủy thác xuất khẩu	2.984.352.120	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	105.027.416.794	-	37.405.287.442	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.097.236.898	-	1.283.528.395	-
Ông Nguyễn Xuân Toán - Tạm ứng ⁽ⁱ⁾	61.429.581.534	-	-	-
Tạm ứng	4.071.069.581	-	6.222.954.346	-
Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	28.511.534.705	-	21.515.209.085	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	8.917.994.076	-	8.383.595.616	-
Cộng	108.011.768.914	-	39.188.449.211	-

- ⁽ⁱ⁾ Khoản tạm ứng cho Ông Nguyễn Xuân Toán để tìm đầu mối mua tôm nguyên liệu.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5b. Phải thu dài hạn khác**

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH MTV BCA				
HCKT Thăng Long - Trả trước cho người bán	-	-	135.080.000	-
Cộng	-	-	135.080.000	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	135.080.000	94.556.000
Trích lập dự phòng bổ sung	-	40.524.000
Xử lý nợ	(135.080.000)	-
Số cuối năm	-	135.080.000

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	20.132.699.580	-	11.002.033.708	-
Công cụ, dụng cụ	1.515.676.771	-	1.611.933.003	-
Thành phẩm	2.199.789.230.216	(138.981.180.546)	1.484.383.864.779	(81.035.505.166)
Cộng	2.221.437.606.567	(138.981.180.546)	1.496.997.831.490	(81.035.505.166)

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 834.451.171.480 VND (số đầu năm là 841.950.086.202 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	81.035.505.166	60.989.062.755
Trích lập dự phòng bổ sung	57.945.675.380	20.046.442.411
Số cuối năm	138.981.180.546	81.035.505.166

8. Chi phí trả trước**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	1.143.185.447	961.179.006
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	424.360.481	483.624.583
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	39.577.819	26.000.002
Cộng	1.607.123.747	1.470.803.591



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.728.251.586	1.442.831.266
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	5.230.009.871	1.645.115.638
Phí bảo lãnh vay vốn	-	35.776.397
Chi phí thuê đất (*)	46.846.320.274	12.652.448.200
Các chi phí trả trước dài hạn khác	717.823.768	294.513.585
Cộng	55.522.405.499	16.070.685.086

(*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 46.846.320.274 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 285.490.636.591 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	<u>Máy móc và thiết bị</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	139.712.955.716
Thuê tài chính trong năm	40.411.833.113
Mua sắm tài sản cố định hoàn thành	38.124.946.957
Số cuối năm	218.249.735.786
Giá trị hao mòn	
Số đầu năm	21.261.881.627
Khấu hao trong năm	64.927.215.879
Số cuối năm	86.189.097.506
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	118.451.074.089
Số cuối năm	132.060.638.280

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Nhãn hiệu, tên thương mại</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.000.000.000	62.907.674.178	781.225.808	64.688.899.986
Mua trong năm	2.500.000.000	-	199.748.732	2.699.748.732
Số cuối năm	3.500.000.000	62.907.674.178	980.974.540	67.388.648.718
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	-	781.225.808	781.225.808

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu, tên thương mại	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	25.163.085.664	781.225.808	25.944.311.472
Khấu hao trong năm	-	3.145.383.708	29.962.314	3.175.346.022
Số cuối năm	-	28.308.469.372	811.188.122	29.119.657.494
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.000.000.000	37.744.588.514	-	38.744.588.514
Số cuối năm	3.500.000.000	34.599.204.806	169.786.418	38.268.991.224
<i>Trong đó:</i>				
Tạm thời không sử dụng	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-

Quyền sử dụng đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 1.000.000.000 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm là 3.348.336.270 VND (năm trước là 12.049.786.843 VND).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận***

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay không được trừ tại ngày kết thúc năm tài chính với số tiền là 73.467.378.717 VND (số đầu năm 35.521.602.927 VND).

Chi tiết chi phí lãi vay chưa ghi nhận như sau:

Năm 2023	6.196.701.245
Năm 2024	29.324.901.682
Năm 2025	37.945.775.790
Cộng	73.467.378.717

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>54.595.856.735</i>	<i>45.589.414.274</i>
Công ty Cổ phần Camimex Group	-	602.762.355
Công ty TNHH Camimex Organic	34.781.386.524	31.871.932.295
Công ty Cổ phần Camimex Farm	-	11.225.858.890
Công ty Cổ phần Camimex Foods	19.313.008.273	-
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	-	598.260.734
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	-	1.290.600.000
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	501.461.938	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>283.599.616.184</i>	<i>125.247.806.046</i>
Công ty TNHH MTV Thủy hải sản Chí Linh	14.191.855.481	9.625.776.869
Công ty TNHH MTV Thủy sản Kiều Phương	11.266.154.530	13.664.766.299
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thiên mã Quỳnh	71.944.944.674	-
LX_International (Singapore) Pte Ltd	78.851.319.394	-
Các nhà cung cấp khác	107.345.342.105	101.957.262.878
Cộng	338.195.472.919	170.837.220.320

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán ngắn hạn về mua sắm tài sản cố định/xây dựng cơ bản	3.059.819.740	1.121.677.980

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
LLC "Retail Service"	489.782.400	513.712.680
Canda Six Fortune Enterprise Co. Ltd	-	1.362.869.895
Shin Gang Corp	517.139.571	458.270.752
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Thủy Nhân	2.637.272.381	-
Các khách hàng khác	3.568.273.470	760.714.232
Cộng	7.212.467.822	3.095.567.559

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng thủy sản xuất khẩu	0%
- Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại	Không kê khai, tính thuế, 5%
- Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản	5%

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



19815-0
NG TY T
TOÁN VÀ
A&C
HI NHÃI
Y NAM
HỮ - T

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản	10%
- Các dịch vụ khác	10%

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 30 tháng 6 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ.

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của luật thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 của chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	96.165.238.180	73.701.866.369
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Chi phí lãi vay không được trừ ⁽¹⁾	37.945.775.790	29.324.901.682
- Các khoản điều chỉnh tăng khác	37.919.674.318	11.086.698.003
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(5.191.256.586)
Thu nhập chịu/tính thuế	172.030.688.288	108.922.209.468
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	34.406.137.659	21.784.441.894
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(15.152.038.770)	(4.537.442.303)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	2.432.340.350
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	19.254.098.889	19.679.339.941



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Chi phí lãi vay không được trừ này được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất và nước trên mặt với mức 5.000 VND/m³ đối với nước dưới lòng đất và 40.000 VND/m³ đối với nước trên mặt.

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 năm 2025 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	10.571.505.810	39.514.767.123
Công ty Cổ phần Camimex Group - Chi phí lãi vay phải trả	2.664.656.495	34.007.917.808
Công ty Cổ phần Camimex Farm - Chi phí lãi vay phải trả	7.906.849.315	5.506.849.315
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	9.912.741.376	2.643.861.812
Chi phí lãi vay phải trả	9.912.741.376	2.643.861.812
Cộng	20.484.247.186	42.158.628.935

19. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	955.726.379	487.101.685
Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả	200.368.069	200.368.069
Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả	3.251.409	3.251.409
Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả	32.514.088	32.514.088
Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả	30.481.958	30.481.958
Bà Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả	220.486.161	220.486.161
Công ty Cổ phần Camimex Foods - Phải trả phí ủy thác xuất khẩu	468.624.694	-



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	17.861.970.656	30.807.905.542
Kinh phí công đoàn	9.341.491.650	7.872.347.456
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	3.503.167.106	8.993.943.047
Nhận ký quỹ ngắn hạn	1.449.999.999	949.999.999
Cổ tức phải trả	2.497.081.977	2.497.081.977
Coop Basel - Tiền mượn	-	8.288.420.527
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.070.229.924	2.206.112.536
Cộng	18.817.697.035	31.295.007.227

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	397.261.822.114	402.303.253.568
Vay Bà Lê Thị Diệu ^(xi)	1.450.000.000	-
Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(x)	195.811.822.114	202.303.253.568
Vay Công ty Cổ phần Camimex Farm ^(x)	200.000.000.000	200.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.228.239.340.891	913.948.306.452
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.115.361.746.395	835.042.349.449
- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾	78.701.377.702	80.083.957.283
- Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	9.895.897.467
- Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱ⁾	158.522.578.476	175.276.310.809
- Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾	239.724.726.800	180.671.121.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng ^(iv)	254.714.024.683	189.509.222.376
- Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(v)	27.984.462.000	20.053.050.000
- Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Lý Thái Tổ (năm trước là Phòng giao dịch Chương Dương) ^(vi)	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ^(vii)	79.776.000.000	79.301.129.318
- Vay Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank., Ltd	-	50.200.000.000
- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	-	50.200.000.000
- Vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(viii)	186.009.074.134	10.051.661.196
- Vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau ^(ix)	49.929.502.600	-
Vay ngắn hạn các cá nhân	2.350.000.000	50.000.000
- Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(xi)	2.350.000.000	50.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số	70.102.655.489	50.078.726.307

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
V.20b)		
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	40.424.939.007	28.777.230.696
Cộng	1.625.501.163.005	1.316.251.560.020

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, thế chấp thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, quyền sử dụng đất của Công ty và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.7, V.9, V.11, VII.1a và VII.1b).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, V.8b, V.9 và VII.1a).
- (v) Khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn – Phòng giao dịch Lý Thái Tổ để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi, thế chấp quyền đòi nợ, thành phẩm, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a, V.3, V.7, V.9 và VII.1a).
- (viii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a và V.7).



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ix) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ và thế chấp thành phẩm (xem thuyết minh số V.2a, V.3 và V.7).
- (x) Vay không có tài sản đảm bảo Công ty Cổ phần Camimex Group và Công ty Cổ phần Camimex Farm để bổ sung vốn lưu động với lãi suất lần lượt là 15%/năm và 1,2%/năm, thời hạn vay không quá 12 tháng.
- (xi) Khoản vay ngắn hạn các cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm được trình bày ở Phụ lục 04 đính kèm.

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	91.822.273.808	113.713.636.904
- Vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre ⁽ⁱ⁾	91.822.273.808	113.713.636.904
Vay dài hạn các tổ chức khác	512.593.036.410	406.260.901.789
- Vay ResponsAbility Sicav (Lux) ⁽ⁱⁱ⁾	54.292.659.564	65.048.588.693
- Vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif ⁽ⁱⁱⁱ⁾	62.645.376.846	85.702.313.096
- Vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V ^(iv)	395.655.000.000	255.510.000.000
Nợ thuê tài chính	75.499.840.050	84.372.850.832
- Thuê tài chính Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm	27.691.698.035	40.665.200.927
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm	975.000.000	8.148.183.634
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn không quá 05 năm	16.700.829.218	32.631.062.606
- Thuê tài chính Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	5.061.984.443	2.928.403.665
- Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm	25.070.328.354	-
Cộng	679.915.150.268	604.347.389.525

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre để tài trợ chi phí dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 01 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý, tài sản hình thành từ vốn vay và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.8b, V.9 và V.12 và VII.1a).
- (ii) Khoản vay ResponsAbility Sicav (Lux) để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 31 tháng 7 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iii) Khoản vay ResponsAbility Climate Smart Agriculture & Food Systems Fund, Sicav-Raif để sử dụng làm tổng vốn lưu động, làm vốn đầu tư xây dựng và đảm bảo đạt được chứng nhận tiêu chuẩn trang trại nuôi tôm của Hội đồng quản lý nuôi trồng thủy sản với lãi suất theo thông báo bên cho vay (lãi suất áp dụng cho mỗi kỳ tính lãi), thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 01 tháng 8 năm 2025. Khoản vay này được bảo lãnh bởi Thư bảo lãnh vay vốn của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau.
- (iv) Khoản vay Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V để thực hiện dự án (tất cả hoạt động sản xuất và kinh doanh liên quan đến dự án được nêu trong kế hoạch kinh doanh và sử dụng vốn vay nước ngoài được lập theo quy định tại Điều 7 và 17.2(b), Thông tư số 08/2023/TT-NHNN ngày 30/6/2023 của Chính phủ) với lãi suất theo thông báo bên cho vay về việc xác định lãi suất theo hợp đồng này cho kỳ tính lãi, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 7 năm 2031. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 10 tháng 01 năm 2027. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh VII.1b).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	113.713.636.904	21.891.363.096	87.565.452.380	4.256.821.428
Vay dài hạn các tổ chức khác	560.804.328.803	48.211.292.393	433.462.036.410	79.131.000.000
Nợ thuê tài chính	115.924.779.057	40.424.939.007	75.499.840.050	-
Cộng	790.442.744.764	110.527.594.496	596.527.328.840	83.387.821.428
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	135.686.265.000	21.972.628.096	87.565.452.388	26.148.184.516
Vay dài hạn các tổ chức khác	434.367.000.000	28.106.098.211	304.056.901.789	102.204.000.000
Nợ thuê tài chính	113.150.081.528	28.777.230.696	84.372.850.832	-
Cộng	683.203.346.528	78.855.957.003	475.995.205.009	128.352.184.516

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Cộng
Số cuối năm			
Tiền gốc phải trả	40.424.939.007	75.499.840.050	115.924.779.057
Lãi thuê phải trả	7.531.893.208	26.007.850.372	33.539.743.580
Nợ thuê tài chính phải trả	47.956.832.215	101.507.690.422	149.464.522.637
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	28.777.230.696	84.372.850.832	113.150.081.528
Lãi thuê phải trả	8.179.822.499	18.605.301.335	26.785.123.834
Nợ thuê tài chính phải trả	36.957.053.195	102.978.152.167	139.935.205.362

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngắn hạn	113.713.636.904	-	-	-	(21.891.363.096)	91.822.273.808
Vay dài hạn các tổ chức khác	406.260.901.789	144.222.500.000	-	1.637.105.557	(39.527.470.936)	512.593.036.410
Nợ thuê tài chính	84.372.850.832	37.481.134.086	(5.929.205.861)	-	(40.424.939.007)	75.499.840.050
Cộng	604.347.389.525	181.703.634.086	(5.929.205.861)	1.637.105.557	(101.843.773.039)	679.915.150.268

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	880.000.000	880.000.000
Số cuối năm	880.000.000	880.000.000

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 05 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Camimex Group	724.725.000.000	724.725.000.000
Các cổ đông khác	254.274.980.000	254.274.980.000
Cộng	978.999.980.000	978.999.980.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	97.899.998	97.899.998
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	97.899.998	97.899.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.899.998	97.899.998
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	97.899.998	97.899.998
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.899.998	97.899.998
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**23a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 769.169,94 USD (số đầu năm là 9.334,76 USD).

23b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Nguyên nhân xóa sổ</u>
	<u>(VND)</u>	<u>(VND)</u>	
Công ty TNHH MTV BCA			
HCKT Thăng Long	135.080.000	-	Không có khả năng thu hồi
Cộng	<u>135.080.000</u>	<u>-</u>	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	1.132.800.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	2.476.826.099.543	2.513.686.982.096
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.774.181.277	36.722.930.891
Cộng	<u>2.510.733.080.820</u>	<u>2.550.409.912.987</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i>		
Doanh thu bán thành phẩm	173.538.505.765	6.991.488.880



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Camimex Foods		
Doanh thu hàng hóa	1.132.800.000	-
Doanh thu bán thành phẩm	12.758.366.390	555.778.354.016
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.744.345.634	430.257.383
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.420.000	-
Công ty TNHH TS Hưng Thuận		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	6.615.800
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.969.341.850	-
2. Khoản giảm trừ doanh thu		
Là khoản hàng bán bị trả lại.		
3. Giá vốn hàng bán		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.784.861.838	-
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.942.494.351.711	2.149.403.515.130
Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp	25.703.727.050	31.404.636.499
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	57.945.675.380	20.046.442.411
Cộng	<u>2.027.928.615.979</u>	<u>2.200.854.594.040</u>
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền không kỳ hạn	28.009.787	27.671.550
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.975.823.780	1.459.600.818
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.359.496.548	17.912.870.986
Cộng	<u>37.363.330.115</u>	<u>19.400.143.354</u>
5. Chi phí tài chính		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	149.409.025.414	97.146.953.185
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	47.577.993.079	30.125.759.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	5.222.403.367	15.151.010.358
Cộng	<u>202.209.421.860</u>	<u>142.423.723.394</u>

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.481.311.070	5.336.892.168
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	327.058.338	275.987.295
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.364.652.433	79.855.867.534
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>56.174.505.315</i>	<i>45.645.811.724</i>
<i>Chi phí hoa hồng xuất khẩu</i>	<i>24.769.141.084</i>	<i>20.367.274.495</i>
<i>Chi phí dịch vụ mua ngoài khác</i>	<i>23.421.006.034</i>	<i>13.842.781.315</i>
Các chi phí khác	20.168.182.739	25.597.930.421
Cộng	130.341.204.580	111.066.677.418

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	23.926.162.189	20.783.409.004
Chi phí đồ dùng văn phòng	615.109.488	1.347.151.192
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.825.693.434	8.572.635.342
Thuế, phí và lệ phí	101.013.245	52.414.375
Dự phòng phải thu khó đòi	-	40.524.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	725.097.332	1.929.755.550
Các chi phí khác	35.390.185.465	31.483.704.441
Cộng	69.583.261.153	64.209.593.904

8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	3.061.500.001	21.363.897.206
Tài sản thừa kiểm kê	-	6.352.191.182
Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	491.837.452	1.854.848.259
Thu hộ xử lý nước thải	1.161.676.108	-
Thu nhập từ điện nước	579.087.045	536.751.132
Thu nhập khác	703.134.648	18
Cộng	5.997.235.254	30.107.687.797

9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	808.430.774	3.913.370.449
Chi phí phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội	563.794.854	-
Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc	129.000.270	353.621.626
Chi phí xử lý công nợ	509.954.224	-
Chi hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường	9.989.317	1.854.679.640
Chi phí khác	706.996.851	1.252.105.573
Cộng	2.728.166.290	7.373.777.288

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.209.598.155.408	1.316.734.439.693
Chi phí nhân công	234.492.822.796	174.101.209.209
Chi phí khấu hao tài sản cố định	128.771.660.637	74.488.293.774
Chi phí dịch vụ mua ngoài	153.737.478.913	120.804.218.046
Chi phí khác	102.441.975.159	82.281.689.206
Cộng	2.829.042.092.913	1.768.409.849.928

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Các thành viên Hội đồng quản trị		
Nhận góp vốn	-	34.000.000.000
Vay tiền không lãi suất	-	11.000.000.000
Trả tiền vay	-	13.520.000.000
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc		
Vay tiền không lãi suất	-	1.080.000.000
Trả tiền vay	-	1.600.000.000
Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt		
Vay tiền không lãi suất	41.350.000.000	28.107.087.538
Trả tiền vay	39.900.000.000	53.407.087.538

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

các ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.19 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Năm nay	Năm trước
Ông Bùi Sĩ Tuấn	Chủ tịch HĐQT	72.000.000	72.000.000
Ông Bùi Đức Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	184.353.517	48.000.000
Ông Đặng Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	570.323.411	561.301.133
Ông Trần Minh Thiệu	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Đức Dũng	Thành viên HĐQT	48.000.000	48.000.000
Ông Huỳnh Văn Tấn	Phó Tổng Giám đốc	425.676.389	513.295.073
Ông Huỳnh Công Nhân	Phó Tổng Giám đốc	247.530.830	48.781.620
Bà Lữ Hồng Lam	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000	36.000.000
Ông Nguyễn Hoài Linh	Thành viên Ban kiểm soát	24.000.000	24.000.000
Bà Trương Hà My	Thành viên Ban kiểm soát (bổ nhiệm ngày 27/4/2025)	16.266.667	-
Bà Trần Thị My	Thành viên Ban kiểm soát (miễn nhiệm ngày 27/4/2025)	7.666.667	24.000.000
Cộng		<u>1.679.817.481</u>	<u>1.423.377.826</u>

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Camimex Group	Công ty mẹ
Công ty TNHH Camimex Organic	Công ty con
Công ty Cổ phần Camimex Farm	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Camimex Foods	Công ty trong cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải	Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát	Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng	Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn	Công ty có thành viên quản lý chủ chốt là Tổng Giám đốc của Công ty
Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish	Công ty có người đại diện theo pháp luật là thành viên Hội đồng quản trị Công ty
Công ty TNHH TS Hưng Thuận	Công ty có thành viên góp vốn lớn có mối quan hệ mật thiết với thành viên Hội đồng quản trị Công ty

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b và với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i>		
Mua hàng hóa	42.458.241.191	50.976.583.266
Cung cấp dịch vụ	18.747.222.222	11.064.057.238
Hỗ trợ chi phí vận chuyển	3.630.005.720	-
Chuyển người mua trả tiền trước sang vay	-	95.007.801.600
Vay tiền không lãi suất	27.432.502.389	182.344.984.298
Trả tiền vay	33.923.933.843	206.141.730.730
Chi phí lãi vay	29.854.629.112	34.007.917.808
<i>Công ty Cổ phần Camimex Foods</i>		
Mua hàng hóa	9.174.630.637	56.597.636.849
Chi phí cung cấp dịch vụ	11.601.417.991	12.568.129.615
Mua tài sản cố định hữu hình	-	263.568.450
Vay tiền không lãi suất	-	4.140.000.000
Trả tiền vay	-	4.140.000.000
<i>Công ty Cổ phần Camimex Farm</i>		
Mua hàng hóa	691.206.135	11.184.016.649
Vay tiền không lãi suất	-	218.577.157.759
Trả tiền vay	-	18.577.157.759
Chi phí lãi vay	2.400.000.000	5.506.849.315
Góp vốn bằng nợ phải trả	22.309.378.568	-
Góp vốn bằng tiền	2.690.621.432	-
<i>Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải</i>		
Mua hàng hóa	-	15.120.152.500
Chi phí dịch vụ vận chuyển	-	116.300.000
Vay tiền không lãi suất	-	28.480.495.500
Trả tiền vay	-	28.480.495.500
<i>Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn</i>		
Mua hàng hóa	4.740.120.000	13.008.222.000
<i>Công ty Cổ phần Thảo Anh Fish</i>		
Mua hàng hóa	26.516.616.266	48.882.329.177
Chi phí cung cấp dịch vụ	22.570.216.440	-
Bán tài sản cố định hữu hình	9.250.000.000	-
Bán công cụ, dụng cụ	88.920.000	-
Vay tiền không lãi suất	18.397.072.592	-
Trả tiền vay	18.397.072.592	-

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát		
Mua hàng hóa	344.900.000	-
Chi phí gia công	-	2.406.298.800
Công ty TNHH TS Hưng Thuận		
Mua hàng hóa	99.353.530.407	32.767.125.035
Vay tiền không lãi suất	222.161.999.997	17.086.000.000
Trả tiền vay	222.161.999.997	17.086.000.000
Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng		
Mua hàng hóa	-	11.160.000
Thu điện, nước nhà ăn	13.703.700	10.009.600

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại các ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình, một phần cổ phần của Công ty và Công ty TNHH Camimex Organic do Công ty Cổ phần Camimex Group sở hữu để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại các ngân hàng và Nederlandse Financierings-Maatschappij Voor Ontwikkelingslanden N.V (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.18, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay	Năm trước
Nước ngoài	2.243.474.087.662	1.461.831.123.338
Trong nước	242.121.255.011	1.088.291.277.924
Cộng	<u>2.485.595.342.673</u>	<u>2.550.122.401.262</u>

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
 BẢO CAO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	257.939.066.621	325.884.631.355	42.565.449.254	1.945.913.996	628.335.061.226
Mua trong năm	5.418.782.988	8.976.178.787	1.008.266.182	150.850.000	15.554.077.957
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	101.050.949.224	72.646.290.702	178.200.000	-	173.875.439.926
Thanh lý, nhượng bán	-	(6.507.000.000)	-	-	(6.507.000.000)
Số cuối năm	364.408.798.833	401.000.100.844	43.751.915.436	2.096.763.996	811.257.579.109
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	35.929.600.463	96.319.131.884	9.817.408.337	1.487.313.996	143.553.454.680
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	106.975.586.853	195.308.179.569	22.969.243.290	1.640.020.640	326.893.030.352
Khấu hao trong năm	22.864.347.776	33.765.937.885	3.908.929.725	129.883.350	60.669.098.736
Thanh lý, nhượng bán	-	(318.500.001)	-	-	(318.500.001)
Số cuối năm	129.839.934.629	228.755.617.453	26.878.173.015	1.769.903.990	387.243.629.087
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	150.963.479.768	130.576.451.786	19.596.205.964	305.893.356	301.442.030.874
Số cuối năm	234.568.864.204	172.244.483.391	16.873.742.421	326.860.006	424.013.950.022
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CAMIMEX Corp, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



Đang, Ngọc Sơn
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào tài sản cố định hữu hình trong năm	Kết chuyển giảm khác ^(b)	Kết chuyển tài sản cố định thuế tài chính trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	257.465.060.152	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(39.320.302.824)	(38.124.946.957)	35.196.343.703
- Nhà máy chế biến thủy sản Hùng Vương Bến Tre ^(a)	187.275.474.468	18.178.926.578	(163.002.393.246)	(36.772.424.097)	-	5.679.583.703
- Các tài sản khác	70.189.585.684	-	-	(2.547.878.727)	(38.124.946.957)	29.516.760.000
Xây dựng cơ bản dở dang	85.989.265.847	62.844.345.370	(10.873.046.680)	(468.050.000)	-	137.492.514.537
- Công trình xây dựng Nhà máy Chế biến Thủy sản - Xi nghiệp I	66.614.721.667	61.949.345.370	-	-	-	128.564.067.037
- Công trình sửa chữa Nhà máy Chế biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre	10.873.046.680	-	(10.873.046.680)	-	-	-
- Các công trình khác	8.501.497.500	895.000.000	-	(468.050.000)	-	8.928.447.500
Cộng	343.454.325.999	81.023.271.948	(173.875.439.926)	(39.788.352.824)	(38.124.946.957)	172.688.858.240

^(a) Công ty đã thế chấp chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối năm là 5.679.583.703 VND (số đầu năm là 187.275.474.468 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Bến Tre (xem thuyết minh số V.20b).

^(b) Kết chuyển vào chi phí trả trước chờ phân bổ và chi phí trong năm.

Trần Quốc Phong

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

CAMIMEX CORP
Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 03: Tình hình biến động thuế và các khoản phải nộp nhà nước

		Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
		Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Giảm do bù trừ thuế GTGT được hoàn	Phải nộp	Phải thu	
Thuế xuất, nhập khẩu		-	2.784.339.431	-	-	-	-	2.784.339.431	
Thuế thu nhập doanh nghiệp		16.101.886.874	-	19.254.098.889	-	(17.246.999.591)	18.108.986.172	-	
Thuế thu nhập cá nhân		23.809.734	-	985.031.774	(73.362.835)	(685.721.753)	249.756.920	-	
Thuế tài nguyên		18.606.000	-	215.264.000	(204.705.200)	(13.830.000)	15.334.800	-	
Thuế nhà đất		-	-	2.845.872	(2.845.872)	-	-	-	
Các loại thuế khác		10.000.000	-	2.840.927.914	(2.820.125.887)	-	30.802.027	-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		30.037.870	-	40.719.684	(70.757.554)	-	-	-	
Cộng		16.184.340.478	2.784.339.431	23.338.888.133	(3.171.797.348)	(17.946.551.344)	18.404.879.919	2.784.339.431	



Trần Quốc Phong
Người lập



Nguyễn Thị Lâm
Kế toán trưởng



Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thẳng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Phụ lục 04: Bảng tăng, giảm vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

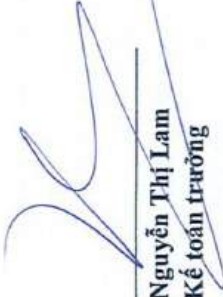
Đơn vị tính: VND						
	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	835.042.349.449	4.151.257.220.058	-	2.345.156.401	(3.873.282.979.513)	1.115.361.746.395
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	402.303.253.568	543.472.072.589	-	-	(549.963.504.043)	395.811.822.114
Vay ngắn hạn các cá nhân	50.000.000	383.024.099.994	-	-	(379.274.099.994)	3.800.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	50.078.726.307	-	61.418.834.032	-	(41.394.904.850)	70.102.655.489
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	28.777.230.696	-	40.424.939.007	-	(28.777.230.696)	40.424.939.007
Cộng	1.316.251.560.020	5.077.753.392.641	101.843.773.039	2.345.156.401	(4.872.692.719.096)	1.625.501.163.005



Trần Quốc Phong
Người lập

Cà Mau, ngày 27 tháng 3 năm 2026




Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Đang Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc



Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 05: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu


Trần Quốc Phong
Người lập


Nguyễn Thị Lâm
Kế toán trưởng


Tông Giám đốc




Trần Văn Mậu, ngày 27 tháng 3 năm 2026



**Now,
for tomorrow**

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
www.a-c.com.vn

Ho Chi Minh Head Office : 02 Truong Son St., Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Hanoi Branch : 40 Giang Vo St., Giang Vo Ward, Ha Noi City, Vietnam

Central Region Branch : Lot STH 06A.01, Road 13, Le Hong Phong II Urban Area, Nam Nha Trang Ward, Khanh Hoa Province, Vietnam

Southwest Branch : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Hung Phu Ward, Can Tho City, Vietnam

Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn

Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn

Tel: +84 (025) 8246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn

Tel: +84 (029) 2376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn